

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2020

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con)

**CỘNG D XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Liêm

2. Bà Nguyễn Thị Minh Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị A – sinh năm 1994

Trú tại: khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh BT.

*** Bị đơn:** Ông Lâm Đức D – sinh năm 1997

Trú tại: khu phố E, phường C, thành phố PT, tỉnh BT.

Tại phiên tòa có mặt bà A và ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Trần Thị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố PT, tỉnh BT vào năm 2017. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, việc làm, ông D sống không chung thủy nên hai người thường xảy ra cãi vã, gây gổ, xúc phạm nhau, đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống. Bà đã nhiều lần tha thứ

nhưng ông D không thay đổi. Nay bà xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: bà và ông D có con Lâm Nhã F, sinh ngày 02/9/2016. Hiện nay bà đang nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lâm Đức D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như bà A trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, ông và bà A có xảy ra một vài mâu thuẫn về việc làm, mối quan hệ xã hội nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau; mặt khác trước đây ông sống không chung thủy nhưng ông đã kịp thời sửa sai. Ông đã nhiều lần hàn gắn nhưng bà A không cho ông cơ hội. Ông và bà A không còn sống chung từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Nay ông nhận thấy còn thương vợ, con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà A có một con như bà A trình bày là đúng, từ khi ly thân bà A là người trực tiếp nuôi con. Nếu giả sử ly hôn ông yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà A cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông và bà A sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lâm Đức D cư trú tại khu phố E, phường C, thành phố PT, tỉnh BT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông D là hợp pháp, ông bà đã được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố PT, tỉnh BT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117/2017, ngày 03/5/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả bà A và ông D đều thừa nhận trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà A và ông D là có thật và đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của bà A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà A và ông D có con là Lâm Nhã F, sinh ngày 02/9/2016, cả bà A và ông D đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà A và ông D đều có quyền, nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy nhiên, từ khi ly thân đến nay bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu F, hơn nữa cháu mới gần 04 tuổi, là con gái nên để đảm bảo cuộc sống ổn định, quyền lợi về mọi mặt của cháu F cần tiếp tục giao cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51, Điều 54, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị A, bà A được ly hôn ông Lâm Đức D.

Về con chung: Giao cho bà Trần Thị A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Lâm Nhã F (giới tính nữ), sinh ngày 02/9/2016. Bà A chưa yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, bà A và ông D vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Về án phí: Bà Trần Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0005541 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bà A và ông D. Quyền kháng cáo của bà A và ông D là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/6/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết;
- Ủy ban nhân dân phường C;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan